

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20 /2019/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 14 tháng 10 năm 2019

### NGHỊ QUYẾT

Về việc Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 13 (KỲ HỌP BẤT THƯỜNG)

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;*

*Xét Tờ trình số 4257/TTr-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh xin ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 06/2010/NQ-HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc trên địa bàn tỉnh, chi tiêu các hội nghị,

hội thảo quốc tế do tỉnh tổ chức và Nghị quyết số 10/2010/NQ-HĐND ngày 17 tháng 11 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định chế độ tiếp khách trong nước; chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa IX, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 14 tháng 10 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2019. / *dv*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh, Trung tâm TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT. *mc*

**CHỦ TỊCH**



**Phan Văn Mãi**

## QUY ĐỊNH

**Chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chế độ chi tổ chức hội nghị,  
hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước  
trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20 /2019/NQ-HĐND  
ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)*

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ tiếp khách trong nước của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị) trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân các cấp.
2. Tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội.
3. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.
4. Các tổ chức sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

### Chương II CHẾ ĐỘ TIẾP KHÁCH NƯỚC NGOÀI VÀO LÀM VIỆC TẠI TỈNH BẾN TRE

#### Điều 3. Xây dựng chương trình hoặc kế hoạch tiếp khách

Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì tiếp khách phải có chương trình hoặc kế hoạch đón tiếp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể: trình Thường trực Tỉnh ủy đối với cấp tỉnh, trình Thường trực Huyện ủy, Thành ủy đối với cấp huyện, thành phố.

b) Hội đồng nhân dân tỉnh: trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; Hội đồng nhân dân huyện, thành phố: trình Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố.

c) Cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập: trình Ủy ban nhân dân tỉnh đối với cơ quan cấp tỉnh; trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đối với cơ quan cấp huyện, thành phố.

**Điều 4. Mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh Bến Tre do tỉnh Bến Tre chi toàn bộ chi phí tiếp khách**

1. Tặng hoa đón, tiễn khách tại sân bay

Trưởng đoàn và Phụ nhân (Phụ quân) đối với khách hạng đặc biệt; Trưởng đoàn khách hạng A, hạng B: 400.000 đồng/1 người.

2. Tiêu chuẩn về thuê chỗ ở (đã bao gồm cả bữa ăn sáng)

a) Đoàn là khách hạng A

- Trưởng đoàn: 4.400.000 đồng/người/ngày.

- Phó đoàn: 3.600.000 đồng/người/ngày.

- Đoàn viên: 2.800.000 đồng/người/ngày.

b) Đoàn là khách hạng B

- Trưởng đoàn, phó đoàn: 3.600.000 đồng/người/ngày.

- Đoàn viên: 2.200.000 đồng/người/ngày.

c) Đoàn là khách hạng C

- Trưởng đoàn, phó đoàn: 2.000.000 đồng/người/ngày.

- Đoàn viên: 1.400.000 đồng/người/ngày.

d) Khách mời quốc tế khác: 600.000 đồng/người/ngày.

3. Tiêu chuẩn ăn hàng ngày (bao gồm 2 bữa trưa, tối)

a) Đoàn là khách hạng A: 1.200.000 đồng/người/ngày.

b) Đoàn là khách hạng B: 800.000 đồng/người/ngày.

c) Đoàn là khách hạng C: 600.000 đồng/người/ngày.

d) Khách mời quốc tế khác: 500.000 đồng/người/ngày.

4. Tổ chức chiêu đãi

Đối với khách hạng A, hạng B, hạng C: Mỗi đoàn khách được tổ chức chiêu đãi một lần. Mức chi chiêu đãi khách tối đa không vượt quá mức tiền ăn một ngày của khách theo quy định tại Khoản 3 Điều này. Mức chi chiêu đãi đã bao gồm tiền đồ uống (khuyến khích sử dụng đồ uống sản xuất tại Việt Nam).

5. Tiêu chuẩn tiếp xã giao và các buổi làm việc (bao gồm đồ uống, hoa quả, bánh ngọt)

a) Đoàn là khách hạng A: 120.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày).

b) Đoàn là khách hạng B: 60.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày).

c) Đoàn là khách hạng C, khách quốc tế khác: 50.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày).

6. Chi dịch thuật

a) Chi biên dịch

- Biên dịch một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc sang Tiếng Việt (gồm: tiếng Ả Rập, tiếng Hoa, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây Ban Nha): 150.000 đồng/trang (350 từ).

- Biên dịch Tiếng Việt sang một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc: 180.000 đồng/trang (350 từ).

b) Chi dịch nói

- Dịch nói thông thường: 250.000 đồng/giờ/người, tương đương 2.000.000 đồng/ngày/người làm việc 8 tiếng.

- Dịch đũa (dịch đồng thời): 500.000 đồng/giờ/người, tương đương 4.000.000 đồng/ngày/người làm việc 8 tiếng.

7. Chi tặng phẩm

a) Đối với đoàn khách hạng A

- Trường đoàn khách: 1.000.000 đồng/người. Trường hợp có Phu nhân (Phu quân) của Trường đoàn đi cùng đoàn, mức chi tặng phẩm đối với Phu nhân (Phu quân): 1.000.000 đồng/người.

- Trường hợp đặc biệt theo yêu cầu đối ngoại hoặc theo thông lệ ngoại giao giữa hai nước, thủ trưởng cơ quan đón tiếp đoàn xem xét, quyết định việc tặng phẩm tặng thành viên chính thức và quan chức tùy từng trong kế hoạch, đề án đón đoàn, mức chi: 400.000 đồng/người.

b) Đối với đoàn khách hạng B

- Trường đoàn khách: 700.000 đồng/người. Trường hợp có Phu nhân (Phu quân) của Trường đoàn đi cùng đoàn, mức chi tặng phẩm đối với Phu nhân (Phu quân): 700.000 đồng/người.

- Trường hợp đặc biệt theo yêu cầu đối ngoại hoặc theo thông lệ ngoại giao giữa hai nước, thủ trưởng cơ quan đón tiếp đoàn xem xét, quyết định việc tặng phẩm tặng thành viên chính thức và quan chức tùy từng trong kế hoạch, đề án đón đoàn, mức chi: 400.000 đồng/người.

8. Chế độ, tiêu chuẩn chi khi đưa đoàn khách nước ngoài đi công tác địa phương và cơ sở

a) Trường hợp cần thiết phải đưa khách đi thăm, làm việc tại các địa phương hoặc cơ sở theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định thì tiêu chuẩn đón tiếp như sau:

- Cơ quan, đơn vị chủ trì đón tiếp khách chịu trách nhiệm chi toàn bộ chi phí đưa đón khách từ nơi ở chính tới địa phương, cơ sở và chi phí ăn, nghỉ cho khách trong những ngày khách làm việc tại địa phương, cơ sở theo các mức chi quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này; chi dịch nói theo quy định tại Khoản 6 Điều này (nếu có).

- Cơ quan, đơn vị ở địa phương hoặc cơ sở nơi khách đến thăm và làm việc chi tiếp khách xã giao và các buổi làm việc theo quy định tại Khoản 5 Điều này. Chi dịch nói theo quy định tại Khoản 6 Điều này (nếu có).

b) Chế độ đối với cán bộ của tỉnh được cử tham gia đoàn tháp tùng khách đi thăm và làm việc ở địa phương

Cán bộ của tỉnh được thực hiện chế độ công tác phí theo quy định tại Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

#### 9. Chi đưa khách đi tham quan

Mức chi đưa đón khách từ nơi ở chính đến điểm tham quan, chi ăn, nghỉ cho khách trong những ngày đi tham quan theo các mức chi quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này và được áp dụng cho cả cán bộ của tỉnh tham gia đưa đoàn đi tham quan. Số lượng cán bộ của tỉnh tham gia đoàn do thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì đón đoàn phê duyệt.

10. Trách nhiệm chi tiếp khách trong trường hợp đoàn vào làm việc với nhiều cơ quan, đơn vị

a) Trường hợp đoàn vào làm việc với nhiều cơ quan, đơn vị theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thì cơ quan, đơn vị chủ trì trong việc đón đoàn chịu trách nhiệm về chi phí đón, tiễn, tiền ăn, tiền thuê chỗ ở, đi lại của đoàn theo mức chi quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều này.

b) Các cơ quan, đơn vị có kế hoạch, chương trình làm việc với đoàn sẽ chịu trách nhiệm chi phí tiếp đoàn trong thời gian đoàn làm việc với cơ quan, đơn vị mình theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi tiếp khách áp dụng theo quy định Khoản 5, Khoản 6 Điều này.

#### **Điều 5. Mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh Bến Tre do tỉnh Bến Tre chi một phần chi phí tiếp khách**

1. Đối với các đoàn khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh Bến Tre do khách tự túc ăn, ở; tỉnh Bến Tre chi các khoản đón tiếp đối ngoại khác

a) Đối với khách hạng A, hạng B, hạng C

Tiêu chuẩn chi đón tiếp và mức chi theo từng hạng khách thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7 Điều 4 Quy định này.

b) Trường hợp cần thiết phải đưa khách đi thăm, làm việc tại các địa phương hoặc cơ sở theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định thì thực hiện chi đón tiếp theo quy định tại Khoản 8 Điều 4 Quy định này (trừ các khoản khách tự túc ăn, ở).

c) Trường hợp đoàn làm việc với nhiều cơ quan, đơn vị theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện chi đón tiếp theo quy định tại Khoản 10 Điều 4 Quy định này.

2. Đối với các đoàn khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh Bến Tre do khách tự túc mọi chi phí

Cơ quan, đơn vị có đoàn đến làm việc chỉ được chi để tiếp xã giao các buổi đoàn đến làm việc theo quy định tại Khoản 5 Điều 4 Quy định này.

### **Chương III**

## **CHẾ ĐỘ CHI TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ TẠI TỈNH BẾN TRE**

#### **Điều 6. Chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh Bến Tre**

1. Các khoản chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

2. Mức chi thuê phòng nghỉ, chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú cho cán bộ Việt Nam tham gia đón, tiếp khách quốc tế, phục vụ các hội nghị quốc tế thực hiện theo Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

3. Các mức chi còn lại (chi làm thêm giờ, tiền ăn, tiền bồi dưỡng, thù lao, văn phòng phẩm,...): thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính.

### **Chương IV**

## **CHẾ ĐỘ TIẾP KHÁCH TRONG NƯỚC**

#### **Điều 7. Đối tượng khách được mời cơm**

1. Đối tượng khách mà cơ quan tiếp khách phải có chương trình hoặc kế hoạch đón tiếp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cụ thể:

##### a) Đối tượng khách được mời cơm

- Đoàn cán bộ lão thành cách mạng; Đoàn Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Đoàn bà con các dân tộc ít người; Đoàn khách già làng trưởng bản.

- Đoàn lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Chính phủ; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban Mặt Trận Tổ quốc Việt Nam, Ban, Ngành, Đoàn thể ở Trung ương.

- Các nhà đầu tư đến thăm và làm việc tìm hiểu môi trường đầu tư để mở rộng và thu hút các dự án đầu tư; các nhà tài trợ, viện trợ đến thăm và làm việc với địa phương để triển khai, thực hiện dự án tài trợ, viện trợ.

##### b) Thẩm quyền phê duyệt chương trình, kế hoạch tiếp khách

- Đoàn khách là cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thể: trình Thường trực Tỉnh ủy đối với cấp tỉnh; trình Thường trực Huyện ủy, Thành ủy đối với cấp huyện, thành phố.

- Đoàn khách do Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì tiếp khách: trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; Đoàn khách do Hội đồng nhân dân huyện, thành phố chủ trì tiếp khách: trình Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố.

- Các đoàn khách còn lại tại Điểm a Khoản 1 Điều này: trình Ủy ban nhân dân tỉnh đối với cơ quan cấp tỉnh; trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đối với cơ quan cấp huyện, thành phố.

2. Khách ngoài tỉnh, khách trong tỉnh (trừ các đối tượng khách quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này) đến thăm và làm việc tại các cơ quan, đơn vị do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mời cơm theo thẩm quyền.

3. Đối với đoàn khách thuộc đối tượng quy định tại Điểm a Khoản 1, Khoản 2 Điều này đến thăm và làm việc tại các xã, phường, thị trấn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn quyết định mời cơm theo thẩm quyền.

#### **Điều 8. Mức chi tiếp khách**

1. Chi giải khát: 30.000 đồng/buổi (nửa ngày)/người.
2. Chi mời cơm: 300.000 đồng/suất (đã bao gồm đồ uống).

### **Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí thực hiện chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chế độ tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh Bến Tre và chế độ tiếp khách trong nước quy định tại Khoản 1 Điều 7: từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị.

2. Kinh phí thực hiện chế độ tiếp khách trong nước quy định tại Khoản 2 Điều 7: từ nguồn kinh phí được giao thực hiện chế độ tự chủ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị.

3. Kinh phí thực hiện chế độ tiếp khách trong nước quy định tại Khoản 3 Điều 7: từ nguồn ngân sách xã, phường, thị trấn và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị.

#### **Điều 10. Quy định khác**

1. Các nội dung khác về chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, đơn vị không nêu tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

2. Căn cứ tình hình thực tế, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ tài chính căn cứ vào mức chi quy định tại Nghị quyết này và các mức chi khác có liên quan quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính, quy định mức chi cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị về tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước, đảm bảo phù



hợp với quy định của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập nhưng tối đa không vượt quá mức chi tại Quy định này.

3. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. /clv

**CHỦ TỊCH**



**Phan Văn Mãi**

